TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/DS-PT
Ngày: 14 – 8 - 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh

Ông Lưu Hữu Giàu

Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc B - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2019/TLPT-DS, ngày 05 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2019/QĐXXPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: số 69/26, đường 30/4, phường HL, quận NK, thành phố CT (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng X: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1971, địa chỉ cư trú: tổ 18, ấp HL 4, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh AG (theo giấy ủy quyền lập ngày 14/5/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thanh H, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: tổ 23, ấp HL 4, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh AG (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thanh H: Ông Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1964, địa chỉ cư trú: số 287C, tổ 15, khóm BK 3, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG (theo giấy ủy quyền lập ngày 07/6/2018) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Hoàng P, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: số 69/26, đường 30/4, phường HL, quận NK, thành phố CT (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Thái B là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng X là nguyên đơn trong vụ án; bà Phạm Thanh H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X (sau đây gọi tắt là bà X) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bà X trình bày:

Bà Phạm Thị H (sau đây gọi tắt là bà H) vay 200.000.000đ của bà X, cụ thể: Ngày 15/9/2017 bà H nhận 100.000.000đ, ngày 23/10/2017 bà H nhận 100.000.000đ, bằng hình thức chuyển tiền qua ngân hàng; lãi suất 10%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, không lập văn bản. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà H có trả lãi 03 lần tổng cộng là 39.900.000đ, cụ thể: ngày 15/8/2017 âl trả lãi 8.400.000đ, ngày 20/11/2017 trả lãi 18.900.000đ, nhiều lần trả lãi gửi bà Hạnh (mẹ của ông P) nhận dùm tổng cộng là 12.600.000đ.

Nay yêu cầu bà H phải trả vốn gốc là 200.000.000đ và lãi từ ngày 23/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20%/năm và đồng ý trừ 39.900.000đ tiền lãi đã trả.

Bị đơn bà H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bà H trình bày:

Thống nhất việc bà H có vay 200.000.000đ của X như bà X trình bày; thống nhất có trả lãi 39.900.000đ như bà X trình bày; thống nhất thời gian nhận tiền vay và thời gian trả lãi như bà X trình bày.

Ngoài ra, bà H có trả lãi cho bà X 8.400.000đ thông qua hệ thống Ngân hàng Vietinbank, nhưng không còn lưu giữ chứng từ.

Tổng cộng, bà H đã trả lãi cho bà X là 48.300.000đ.

Nay bà H thừa nhận có nợ bà X vốn gốc là 200.000.000đ và tiền lãi đã trả cho bà X là 39.900.000đ. Bà H yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 23/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm và có trừ tiền lãi đã trả là 39.900.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hoàng P (sau đây gọi tắt là ông P) trình bày:

Ông là chồng của bà X, ông thống nhất như ý kiến và yêu cầu của bà X. Nay ông yêu cầu bà H trả cho bà X vốn gốc 200.000.000đ và lãi như bà X yêu cầu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X.

- Buộc bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà X 188.929.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, bà H kháng cáo, yêu cầu hủy bỏ giao dịch vay giữa bà X và bà H, vì bà X đã vi phạm Điều 201 của Bộ luật Hình sự và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngày 15 tháng 4 năm 2019, ông Phạm Thái B (sau đây gọi tắt là ông B) đại diện theo ủy quyền của bà X kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm áp dụng lãi suất 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa:

- *Ông B là người đại diện của bà X trình bày:* Bà X giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ông Nguyễn Ngọc E (sau đây gọi tắt là ông E) là người đại diện của bà H trình bày:* Bà H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X do ông B đại diện. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục kháng cáo:

Bà H kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm; Ông B đại diện bà X kháng cáo trong thời hạn pháp luật quy định và có nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Thủ tục kháng cáo của các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều

276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

[2.1]. Bà X và bà H thống nhất có xác lập hợp đồng vay 100.000.000đ ngày 15/9/2017 và 100.000.000đ ngày 23/10/2017. Do đó, cấp sơ thẩm nhận định hợp đồng vay được xác lập trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện là đúng với quy định tại Điều 116, khoản 1 Điều 119, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Hợp đồng vay giữa bà X và bà H được xác lập trên cơ sở thỏa thuận bằng miệng, tuy không lập thành văn bản nhưng có phiếu chuyển số tiền 200.000.000đ qua ngân hàng. Giai đoạn sơ thẩm, bà H thừa nhận nợ, đồng ý trả vốn gốc và lãi cho bà X theo quy định của pháp luật nhưng xin trả dần, bà H không phản tố yêu cầu hủy bỏ hợp đồng vay, không phản tố yêu cầu tuyên bố vô hiệu hợp đồng vay. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H về yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bỏ hợp đồng vay 200.000.000đ đã xác lập với bà X như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

[2.3]. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà X và bà H thống nhất tiền lãi đã trả tổng cộng là 39.900.000đ. Như vậy, đây là hợp đồng vay có thỏa thuận lãi, tuy không có văn bản ghi nhận lãi suất, nhưng số tiền lãi bà H trả cho bà X đã thể hiện bà X và bà H thỏa thuận lãi suất cao so với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tại cấp sơ thẩm, bà X và bà H không tranh chấp về lãi suất đã thỏa thuận, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng lãi suất 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 là không đúng. Do đó, ông B đại diện theo ủy quyền của bà X kháng cáo yêu cầu áp dụng lãi suất 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B đại diện theo ủy quyền của bà X như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, sửa bản án sơ thẩm, cụ thể như sau: 200.000.000đ (vốn) x 20%/năm x 17 tháng 11 ngày (thời gian phải trả lãi) = 57.658.000đ (tiền lãi theo quy định của pháp luật) – 39.900.000đ (tiền lãi đã trả) = 17.758.000đ (tiền lãi chưa trả) + 200.000.000đ (vốn chưa trả) = 217.758.000đ.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng X (do ông Phạm Thái B đại diện).

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thanh H.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2019/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng X.

- Buộc bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng X số tiền 217.758.000đ (Hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng X được nhận lai tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0003498 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

+ Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.888.000đ (Mười triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Hồng X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014172 ngày 16/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0014240 ngày 11/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND. AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Ngọc Phỉ